

	• Điện áp định: ≥ 2180 V
	• Công suất tối đa: ≥ 200 W
	• Hệ số cầm máu: 3.1
	- Cầm máu đơn cực: có ≥ 5 chế độ: SOFT, FULGURATE, SHARE FULGURATE, SPRAY, SHARE SPRAY, ...
	+ Cầm máu mềm (SOFT):
	• Điện áp định ≥ 260 V
	• Công suất tối đa: 120W
	• Hệ số cầm máu 1.5
	+ Cầm máu tiêu chuẩn (FULGURATE):
	• Điện áp định: ≥ 3400 V
	• Công suất tối đa: 120W
	• Hệ số cầm máu 5.3
	+ Cầm máu điện rộng (SPRAY):
	• Điện áp định ≥ 3900 V
	• Công suất tối đa: 120W
	• Hệ số cầm máu: 6.1
	* Chế độ lưỡng cực:
	- Chế độ lưỡng cực có ≥ 3 chế độ: PRECISE, STANDARD, MACRO
	+ Chế độ chính xác (PRECISE):
	• Điện áp định: ≥ 280 V
	• Công suất tối đa: 70 W
	• Hệ số cầm máu: 1.6
	+ Chế độ tiêu chuẩn (STANDARD):
	• Điện áp định: ≥ 400 V
	• Công suất tối đa: 70 W
	• Hệ số cầm máu: 1.6
	+ Chế độ cầm máu nhanh (MACRO):
	• Điện áp định: ≥ 500 V
	• Công suất tối đa: 70W
	• Hệ số cầm máu: 1.8
	* Giới hạn dòng điện rò
	- Dòng rò bệnh nhân tần số thấp: < 10 μ A
	- Dòng rò cao tần đơn cực: < 100 mA
	- Dòng rò cao tần lưỡng cực: < 68.9 mA
	2. Dao hàn mạch:
	- Dao hàn mạch máu bằng sóng cao tần ứng dụng công nghệ hàn mạch được chỉ định với mạch máu, bó mô và mạch bạch huyết có đường kính ≥ 7 mm, sử dụng trên các phẫu thuật chuyên ngành như: Tiêu hóa, tiết niệu, lồng ngực, phụ khoa, đại trực tràng....
	- Có khả năng kiểm soát liên tục và đo trở kháng mô từ đó điều chỉnh năng lượng chính xác nhất để hàn mạch đồng thời làm giảm thiểu tối đa lan tỏa nhiệt đến các mô lân cận, giảm kết dính hoặc cháy than
	- Thời gian hàn mạch máu: Trong khoảng 2 - ≥ 4 giây
	- Có khả năng nhận diện dụng cụ, và tự động điều chỉnh năng lượng cung cấp